TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **17**/2026/QĐST-VLĐ	*Hải Phòng, ngày 15 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Diệu Linh

Thư ký phiên họp: Bà Hoàng Thị Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên họp: Ông Phạm Minh Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 21/2026/TLST-VLĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 về việc: "Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 10/2026/QĐST-VLĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu: Chị **Trần Thị Đ**, sinh năm 1995.

Nơi thường trú và trú tại tổ dân phố Đ1, phường V, thành phố Hải Phòng (có mặt).

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. **Công ty TNHH may T1 (Việt Nam)**.

Địa chỉ 49 đường N, phường T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông L1 - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L1: Ông Z - Giám đốc điều hành theo Giấy ủy quyền số TA-09-2026 ngày 01/01/2026 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

2.2. **Bảo hiểm xã hội cơ sở Hải Dương**.

Địa chỉ số 7 đường T2, phường H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quý Q - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Quý Q: Ông Phạm Văn K - Phó Giám đốc (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

2.3. Chị **Phạm Thị L**, sinh năm 1996.

Trú tại số 24/35 C, phường V, thành phố Hải Phòng (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu và trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu chị Trần Thị Đ trình bày:

Vào tháng 7/2014, chị Phạm Thị L mượn chứng minh nhân dân của chị Trần Thị Đ để làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH may T1 (Việt Nam), địa chỉ công ty tại số 49 đường N, phường T, thành phố Hải Phòng. Sau đó, chị L và công ty đã ký hợp đồng lao động và làm công nhân may công nghiệp tại công ty. Cùng thời điểm đó, chị Đ làm công nhân tại Công ty TNHH M Việt Nam (địa chỉ Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương cũ). Chị L làm việc tại Công ty TNHH may T1 (Việt Nam) từ tháng 07/2014 đến tháng 10/2014 và được công ty tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo tên của chị Đ. Do Công ty TNHH may T1 (Việt Nam) và Công ty TNHH M Việt Nam đều tham gia đóng bảo hiểm bắt buộc cho người lao động nên chị Đ có 02 mã số bảo hiểm xã hội là 3014040579 và T142804987. Chị Đ cam đoan chỉ làm việc tại Công ty TNHH M Việt Nam mà không làm việc tại Công ty TNHH may T1 (Việt Nam) thời gian nào.

Nay chị nhận thức việc chị L mượn hồ sơ tư pháp của chị để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH may T1 (Việt Nam) là gian dối, vi phạm nguyên tắc trung thực khi ký kết hợp đồng lao động. Do vậy, chị đề nghị Tòa án tuyên bố: Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH may T1 (Việt Nam) với chị (do chị Phạm Thị L ký) trong thời gian từ tháng 07/2014 đến tháng 10/2014 là vô hiệu. Đồng thời, giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu chị Đ yêu cầu thoái thu quá trình đóng BHXH theo mã số BHXH T142804987 của chị Phạm Thị L (mượn tên chị Trần Thị Đ) từ tháng 07/2014 đến tháng 10/2014 tại Công ty TNHH may T1 (Việt Nam) theo quy trình của Bảo hiểm xã hội; hoàn trả toàn bộ số tiền thoái thu bảo hiểm cho Công ty TNHH may T1 (Việt Nam).

Quá trình giải quyết vụ việc, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chị Phạm Thị L trình bày: Chị L thống nhất với quan điểm trình bày của chị Trần Thị Đ nêu trên. Chị xác định chưa hưởng số tiền bảo hiểm nào từ mã số T142804987 đứng tên Trần Thị Đ. Do thời gian đã lâu chị không còn lưu giữ được Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH may T1 (Việt Nam) và chị Đ (do chị L ký). Nay chị nhận thức việc mượn hồ sơ tư pháp của chị Đ để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH may T1 (Việt Nam) là gian dối, vi phạm nguyên tắc trung thực khi ký kết hợp đồng lao động. Vì vậy, chị nhất trí với yêu cầu khởi kiện và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo như ý kiến của chị Đ; đề nghị hoàn trả toàn bộ số tiền thoái thu bảo hiểm cho Công ty TNHH

may T1 (Việt Nam).

Công ty TNHH may T1 (Việt Nam) trình bày: Do thời gian quá lâu, các dữ liệu liên quan đến việc chị Trần Thị Đ đã từng làm việc tại công ty không còn nên không thể cung cấp các tài liệu theo yêu cầu của Tòa án. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Bảo hiểm xã hội cơ sở Hải Dương trình bày: Người lao động Trần Thị Đ có thời gian tham gia đóng/hưởng BHXH, BHTN như sau:

Mã số BHXH T142804987 có thời gian tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp tại Công ty TNHH may T1 (Việt Nam) từ tháng 7/2014 đến tháng 10/2014, không có thông tin cấp sổ BHXH và tờ rời vì là sổ tạm.

Mã số BHXH 3014040579 có thời gian tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 12/2013 - 9/2020 tại Công ty TNHH M Việt Nam, từ tháng 10/2013-10/2019 tại Công ty TNHH G, từ tháng 6/2021 - 5/2025 tại Công ty TNHH xây dựng và đầu tư thương mại Hợp Thành - chi nhánh Hải Dương, đã được cấp sổ BHXH (số CMND 142804987) và cấp tờ rời chốt sổ xác nhận quá trình tham gia.

Về yêu cầu của chị Trần Thị Đ: Theo điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019 mới có quy định về HĐLĐ vô hiệu toàn bộ còn Bộ luật Lao động năm 2012 và năm 1994 không có quy định về HĐLĐ vô hiệu, trong khi vụ việc trên được các bên ký kết HĐLĐ vào năm 2014. Mặt khác tại khoản 1 Điều 401 BLTTDS năm 2015 quy định "Người lao động,…có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tuyên bố hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu khi có căn cứ theo quy định của Bộ luật lao động".

Về xử lý số tiền bảo hiểm do Công ty TNHH may T1 (Việt Nam) đã đóng cho người lao động: Trong trường hợp Tòa án phán quyết hoàn trả số tiền bảo hiểm đã đóng cho Công ty TNHH may T1 thì số tiền này được xác định theo tỷ lệ đóng BHXH, BHTN của từng thời điểm và theo quy trình thoái thu của ngành BHXH. Sau khi thực hiện xong việc hoàn trả thì mã số BHXH T142804987 cũng sẽ được hủy.

BHXH cơ sở Hải Dương đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật.

Tại phiên họp: Chị Trần Thị Đ trình bày giữ nguyên yêu cầu và cam đoan những nội dung đã trình bày với Tòa án là đúng sự thật, nếu sai chị Đ xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Về thông tin BHXH cơ sở Hải Dương cung cấp trong thời gian từ tháng 10/2013 - 10/2019 với cùng mã số BHXH 3014040579 thể hiện chị Đ tham gia đóng BHXH, BHTN tại Công ty TNHH M Việt Nam và Công ty TNHH G, chị Đ xác định chưa có thời gian nào làm việc tại Công ty TNHH G và cũng không biết có sự việc nêu trên nên chị Đ không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ việc này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng phát biểu về việc tuân theo và chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, thư ký phiên họp, các đương sự trong quá trình giải quyết việc dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 33, Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, khoản 2, 3 Điều 367, các Điều 370, 371, 372, 401, 402 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các Điều 122, 127, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 52 Bộ luật Lao động 2012; Điều 15, 16, 49, 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 10 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính Phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Đ tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động tên Trần Thị Đ và Công ty TNHH may T1 (Việt Nam) (nhưng do chị Phạm Thị L ký kết) từ tháng 7/2014 đến tháng 10/2014 là vô hiệu.

Giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Thoái thu quá trình đóng BHXH theo mã số BHXH T142804987 của chị Phạm Thị L (mượn tên chị Trần Thị Đ) từ tháng 7/2014 đến tháng 10/2014 tại Công ty TNHH may T1 (Việt Nam) theo quy trình của Bảo hiểm xã hội.

Chị Đ phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Đ có yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động giữa người lao động tên Trần Thị Đ (do chị Phạm Thị L ký) và Công ty TNHH may T1 (Việt Nam) vô hiệu. Trong đó, nơi giao kết/thực hiện hợp đồng tại phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương nay là phường Thành Đ, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 8 - Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 33, Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã có quan điểm xin vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Toà án tiến hành phiên họp vắng mặt những người trên.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu: Các đương sự không cung cấp được Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH may T1 (Việt Nam) với người lao động đứng tên Trần Thị Đ. Song căn cứ lời khai của các đương sự và quá trình tham gia bảo hiểm xã hội có cơ sở xác định Công ty TNHH may T1 (Việt Nam) ký hợp đồng lao động với người lao động đứng tên Trần Thị Đ (do chị Phạm Thị L ký) từ tháng 7/2014 đến tháng 10/2014.

Việc chị L mượn hồ sơ tư pháp để xin việc và đứng tên chị Đ để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH may T1 (Việt Nam) là giả mạo khi giao kết hợp đồng. Do đó, yêu cầu của chị Đ đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động giữa người lao động tên Trần Thị Đ và Công ty TNHH may T1 (Việt Nam) (nhưng do chị Phạm Thị L ký kết) vô hiệu là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu:

Xét thấy mặc dù có sự lừa dối khi ký kết hợp đồng lao động giữa chị Phạm Thị L (lấy tên Chị Trần Thị Đ) với Công ty TNHH may T1 (Việt Nam) nhưng thực tế chị L có làm việc tại Công ty này và được Công ty tham gia bảo hiểm từ tháng 7/2014 đến tháng 10/2014 theo Mã số BHXH T142804987. Căn cứ vào tài liệu ghi quá trình đóng BHXH, BHTN, quan điểm của các đương sự cần hoàn trả lại cho Công ty TNHH may T1 (Việt Nam) toàn bộ số tiền bảo hiểm công ty đã đóng theo quy trình thoái thu của Bảo hiểm xã hội.

[3]. Về lệ phí: Người yêu cầu phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 33, Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, khoản 3 Điều 367, các Điều 370, 371, 372, 401, 402 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các Điều 122, 127, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 52 Bộ luật Lao động 2012; Điều 15, 16, 49, 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 10 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính Phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của Chị Trần Thị Đ: Tuyên bố Hợp đồng lao động giữa người lao động tên Trần Thị Đ (sinh ngày 02/7/1995, số CMND: 142804987) và Công ty TNHH may T1 (Việt Nam) (nhưng do chị Phạm Thị L ký kết) từ tháng 7/2014 đến tháng 10/2014 là vô hiệu.

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

Hoàn trả toàn bộ số tiền bảo hiểm đã đóng đối với mã số bảo hiểm xã hội T142804987 từ tháng 7/2014 đến tháng 10/2014 cho Công ty TNHH may T1 (Việt Nam) theo quy trình thoái thu của Bảo hiểm xã hội.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự đối trừ với số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai số 0004984 ngày 28/4/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Hải Phòng. Chị Đ đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp lệ phí.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Toà án ra quyết định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 - Hải Phòng;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Diệu Linh